

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MASAN MEATLIFE  
MASAN MEATLIFE CORPORATION**

\*\*\*\*\*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence – Freedom – Happiness**

\*\*\*\*\*

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026  
Ho Chi Minh City, March 13, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF  
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HANOI STOCK EXCHANGE**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
**To:** - *The State Securities Commission*  
- *The Hanoi Stock Exchange*

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Name of organization: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu/ Stock code: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head office address: 10<sup>th</sup> Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại/ Phone: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: [www.masanmeatlife.com.vn](http://www.masanmeatlife.com.vn)

Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Authorized person for information disclosure: Mrs. Do Thi Thu Nga

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Type of information disclosure:  24h  72h  Upon Request  Extraordinary  Periodic

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Công văn giải trình biến động lợi nhuận**

Content of disclosed information: **The 2025 Audited Financial Statements and the explanatory letter on profit fluctuations.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/03/2026 tại đường dẫn: <https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/bao-cao-tai-chinh/?lang=vi>



This information was published on the Company's website on March 13, 2026, at the following link:  
<https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/financial-reports/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is truthful and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE  
REPRESENTATIVE OF MASAN MEATLIFE  
CORPORATION**

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin  
*Authorized person for information disclosure*



**ĐO THỊ THU ANGA**  
Giám Đốc Pháp Lý  
*Legal Director*

**CÔNG TY CỔ  
PHẦN MASAN  
MEATLIFE P**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
MASAN MEATLIFE  
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ  
PHẦN MASAN MEATLIFE,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
0311224517,  
E=TAMNT47@VIETTEL.COM.VN  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2026-03-13 09:51:43  
Foxit Reader Version: 9.7.2





**Công ty Cổ phần Masan MEATLife  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 1 tháng 10 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (hiện nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Danny Le  
Ông Trần Phương Bắc  
Ông Huỳnh Việt Thăng  
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Anh Thi  
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc  
(từ ngày 23 tháng 2 năm 2026)  
Tổng Giám đốc  
(đến ngày 22 tháng 2 năm 2026)

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Huỳnh Việt Thăng  
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn  
(trước đây là “Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1”)  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Masan MEATLife** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Anh Thi  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 54.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00821-26-2



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2026



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.202.622.399.271</b>	<b>1.752.930.370.244</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>245.088.325.194</b>	<b>190.478.925.633</b>
Tiền	111		68.588.325.194	45.255.925.633
Các khoản tương đương tiền	112		176.500.000.000	145.223.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>72.642.650.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16(a)	72.642.650.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>672.546.386.607</b>	<b>538.205.635.081</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	653.890.258.154	515.749.964.679
Trả trước cho người bán	132	7	16.030.680.666	9.584.565.051
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	34.085.677.972	45.063.708.609
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(31.460.230.185)	(32.192.603.258)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>844.490.967.878</b>	<b>678.801.783.008</b>
Hàng tồn kho	141		884.678.969.796	709.463.277.897
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(40.188.001.918)	(30.661.494.889)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>367.854.069.592</b>	<b>345.444.026.522</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	127.452.715.929	115.112.522.869
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		238.766.205.858	225.589.226.239
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.635.147.805	4.742.277.414

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>9.165.035.953.347</b>	<b>9.475.574.502.456</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.997.141.521.478</b>	<b>1.947.586.983.977</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	1.835.000.000.000	1.921.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	162.141.521.478	26.586.983.977
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.415.141.581.142</b>	<b>4.752.811.689.146</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.024.090.598.439	4.311.629.683.535
Nguyên giá	222		5.737.352.279.351	5.689.242.755.904
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.713.261.680.912)	(1.377.613.072.369)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	204.138.493.153	222.742.164.874
Nguyên giá	225		277.922.817.008	277.922.817.008
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(73.784.323.855)	(55.180.652.134)
Tài sản cố định vô hình	227	14	186.912.489.550	218.439.840.737
Nguyên giá	228		344.789.377.117	344.789.377.117
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(157.876.887.567)	(126.349.536.380)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.354.880.699</b>	<b>22.405.540.830</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	23.354.880.699	22.405.540.830
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.103.964.883.942</b>	<b>2.114.054.896.942</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	16(b)	2.103.964.883.942	2.114.054.896.942
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>625.433.086.086</b>	<b>638.715.391.561</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	529.771.209.934	531.384.153.877
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	24.452.483.733	21.638.579.011
Lợi thế thương mại	269	19	71.209.392.419	85.692.658.673
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>11.367.658.352.618</b>	<b>11.228.504.872.700</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.166.967.344.173</b>	<b>6.759.367.390.408</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.242.484.260.684</b>	<b>3.245.113.653.042</b>
Phải trả người bán	311	20	771.573.380.375	635.842.642.820
Người mua trả tiền trước	312		7.809.986.047	6.609.593.951
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	25.423.016.396	16.531.567.443
Chi phí phải trả	315	22	841.873.067.470	704.341.672.675
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	52.884.037.563	140.353.611.328
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	3.541.954.982.869	1.740.468.774.861
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		965.789.964	965.789.964
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>924.483.083.489</b>	<b>3.514.253.737.366</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	43.881.640.006	267.065.299.997
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	546.341.973.914	2.907.565.937.254
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	323.534.491.105	328.553.651.446
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	10.724.978.464	11.068.848.669
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.200.691.008.445</b>	<b>4.469.137.482.292</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>5.200.691.008.445</b>	<b>4.469.137.482.292</b>
Vốn cổ phần	411	27	3.403.168.580.000	3.290.525.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.403.168.580.000	3.290.525.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.137.052.965.149	2.137.102.965.149
Lỗ lũy kế	421		(478.783.291.655)	(1.041.805.283.872)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.041.805.283.872)	(398.879.312.744)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay/ (Lỗ sau thuế năm trước)	421b		563.021.992.217	(642.925.971.128)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		139.252.754.951	83.313.871.015
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>11.367.658.352.618</b>	<b>11.228.504.872.700</b>

ngày 3 tháng 3 năm 2026

  
 Nguyễn Mạnh Quang  
 Người lập

  
 Mã Hồng Kim  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Anh Thi  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	9.571.422.893.228	7.820.568.120.671
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	341.327.375.249	170.852.228.458
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>9.230.095.517.979</b>	<b>7.649.715.892.213</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	6.648.639.180.773	5.687.976.222.130
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.581.456.337.206</b>	<b>1.961.739.670.083</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	467.159.521.001	245.758.093.123
Chi phí tài chính	22	33	348.213.959.263	401.801.091.268
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		327.619.502.115	376.450.736.500
Chi phí bán hàng	25	34	1.777.779.147.562	1.427.730.465.356
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	295.259.025.648	366.242.264.489
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>627.363.725.734</b>	<b>11.723.942.093</b>
Thu nhập khác	31		1.345.309.926	18.673.805.889
Chi phí khác	32	36	4.993.045.554	7.692.161.018
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.647.735.628)</b>	<b>10.981.644.871</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>623.715.990.106</b>	<b>22.705.586.964</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	12.588.179.016	14.155.306.983
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(7.833.065.063)	(16.796.176.215)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>618.960.876.153</b>	<b>25.346.456.196</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		618.960.876.153	25.346.456.196
<b>Phân bổ:</b>				
Cổ đông của Công ty	61		563.021.992.217	27.040.308.872
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		55.938.883.936	(1.693.852.676)
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.692	83

ngày 3 tháng 3 năm 2026

  
 Nguyễn Mạnh Quang  
 Người lập

  
 Mã Hồng Kim  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Anh Thi  
 Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>623.715.990.106</b>	<b>22.705.586.964</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	407.522.076.773	422.893.994.394
Các khoản dự phòng	03	33.902.043.213	8.421.481.086
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(53.545.247)	(19.121.067)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(138.339.578.427)	(152.309.954.102)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	334.762.220.103	387.101.673.666
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.261.509.206.521</b>	<b>688.793.660.941</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(137.371.291.827)	16.924.451.685
Biến động hàng tồn kho	10	(260.693.847.898)	(32.417.001.081)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(28.232.675.212)	322.099.178.232
Biến động chi phí trả trước	12	40.851.939.739	51.440.792.846
		<b>876.063.331.323</b>	<b>1.046.841.082.623</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(328.699.158.095)	(390.206.287.948)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.090.312.721)	(19.716.747.162)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>543.273.860.507</b>	<b>636.918.047.513</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(76.674.780.982)	(118.678.078.586)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	8.167.858.647	42.678.281.922
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(282.642.650.000)	(1.921.000.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	296.000.000.000	1.772.377.579.794
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27	21.582.924.709	343.961.314.855
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(33.566.647.626)</b>	<b>119.339.097.985</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên, trừ đi chi phí phát hành	31	111.782.660.000	30.119.830.000
Tiền thu từ đi vay	33	5.386.942.681.845	5.865.671.488.566
Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.941.566.111.332)	(6.653.905.604.714)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.257.043.833)	(14.110.144.137)
Tiền trả cổ tức	36	-	(33.516.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(455.097.813.320)</b>	<b>(772.257.946.285)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>54.609.399.561</b>	<b>(16.000.800.787)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>190.478.925.633</b>	<b>206.479.726.420</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>245.088.325.194</b>	<b>190.478.925.633</b>

ngày 3 tháng 3 năm 2026

  
 Nguyễn Mạnh Quang  
 Người lập

  
 Mã Hồng Kim  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Anh Thi  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

### (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2025: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp). Thông tin chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	
			31/12/2025	1/1/2025
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>				
1	Công ty TNHH MNS Meat (“MNM”)	(*) Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật)	99,99%	99,99%
2	Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3FV”)	Chăn nuôi gia cầm	51,00%	51,00%
3	Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“FNA”)	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MEATDeli HN (“MHN”)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	100,00%	100,00%
5	Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	74,99%	74,99%

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	
			31/12/2025	1/1/2025
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>				
1	Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNP”)	(i) Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật) (* )	99,99%	99,99%
2	Công ty TNHH MNS Farm (“MNF”)	(i) Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật) (* )	99,99%	99,99%
3	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (“MSG”)	(ii) Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT (“3FF”)	(iii) Chế biến, bảo quản thịt gia cầm và các sản phẩm từ thịt	51,00%	51,00%
<b>Công ty liên kết sở hữu trực tiếp</b>				
1	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	(iv) Sản xuất, bán buôn và bán lẻ thực phẩm	24,94%	24,94%

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các công ty con này đang trong quá trình giải thể. MNM đã hoàn thành thủ tục giải thể vào ngày 13 tháng 1 năm 2026.

(i) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNM.

(ii) Công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MHN.

(iii) Công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua 3FV.

(iv) Công ty liên kết này được sở hữu trực tiếp bởi Công ty.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty và các công ty con trong các công ty con và công ty liên kết. Tất cả công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 2.204 nhân viên (1/1/2025: 2.049 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Các công ty con**

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi phần sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lỗ lũy kế hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (bên được đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iv) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh, trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này nằm ngoài phạm vi áp dụng của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị của tài sản thuần được hợp nhất được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận vào lỗ lũy kế hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá phí mua được chốt và giá trị hợp lý của giá phí mua tại ngày mua được hạch toán vào lỗ lũy kế hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(j)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất/chăn nuôi chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn	3 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ gia súc	4 năm

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

**(iii) Thương hiệu**

Thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 9 đến 13 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

**(iv) Mối quan hệ khách hàng**

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là 16 năm. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho lợn giống, các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi lợn giống, xây dựng và lắp đặt.

**(j) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Đối với công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**(k) Chi phí trả trước**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, bao gồm cả tiền thuê đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất thuê bao gồm cả chi phí giải phóng mặt bằng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê từ 35 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(iii) Lợn giống và gà giống**

Lợn giống với nguyên giá của mỗi con thấp hơn 30 triệu VND được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 2 đến 3 năm. Gà giống được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dựa theo số trứng thực tế nở và số trứng ước tính có thể nở. Chi phí phân bổ lợn giống và gà giống có liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn thịt và gà thịt trong sản phẩm dở dang được vốn hóa và ghi vào giá gốc của sản phẩm dở dang.

**(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(l) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(ii) Chi phí khôi phục hiện trường**

Tập đoàn có nghĩa vụ phải phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Tập đoàn đã xây dựng nhà máy vào thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất. Lãi suất chiết khấu áp dụng là lãi suất trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường về giá trị thời gian của tiền và các rủi ro cụ thể liên quan đến khoản phải trả mà chưa được bao gồm trong ước tính các khoản chi phí phát sinh.

**(n) Trái phiếu thường phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành trái phiếu. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(o) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(r) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm phí ký kết hợp đồng mua hàng, thu nhập lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Phí ký kết hợp đồng mua hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các điều kiện và điều khoản của hợp đồng mua hàng.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay, nợ thuê tài chính và trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

**(t) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tập đoàn, với tư cách là bên đi thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong Thuyết minh 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán năm trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ gốc còn lại.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn được lập lần lượt dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và bộ phận chia theo vùng địa lý.

**(w) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

**(x) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

**(y) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Báo cáo bộ phận**

Tập đoàn có hai bộ phận báo cáo, như được mô tả dưới đây, là các bộ phận kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này cung cấp các sản phẩm khác nhau và được quản lý riêng biệt do các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng hoạt động kinh doanh chiến lược, Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con soát xét các báo cáo quản trị nội bộ theo định kỳ.

Hoạt động của từng bộ phận báo cáo như sau:

<b>Bộ phận báo cáo</b>	<b>Hoạt động</b>
▪ Trang trại	Chăn nuôi gia súc và gia cầm.
▪ Thịt và các sản phẩm từ thịt	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

Kết quả kinh doanh của bộ phận bao gồm doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán hoặc dịch vụ của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ bao gồm chi phí tài chính và doanh thu hoạt động tài chính mà Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí và thu nhập này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Các chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục trực tiếp thuộc về từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận dựa trên cơ sở hợp lý.

	Trang trại		Thịt và các sản phẩm từ thịt		Loại trừ		Hợp nhất	
	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	2.119.911.928.407	1.846.314.744.882	7.110.183.589.572	5.803.401.147.331	-	-	9.230.095.517.979	7.649.715.892.213
Doanh thu giữa các bộ phận	1.224.784.125.727	1.015.683.277.294	326.190.497	503.753.320	(1.225.110.316.224)	(1.016.187.030.614)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>3.344.696.054.134</b>	<b>2.861.998.022.176</b>	<b>7.110.509.780.069</b>	<b>5.803.904.900.651</b>	<b>(1.225.110.316.224)</b>	<b>(1.016.187.030.614)</b>	<b>9.230.095.517.979</b>	<b>7.649.715.892.213</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	854.260.937.682	595.386.509.744	(345.842.773.686)	(427.619.569.506)	-	-	508.418.163.996	167.766.940.238
<b>Doanh thu/(Chi phí) tài chính thuần không phân bổ</b>							<b>118.945.561.738</b>	<b>(156.042.998.145)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>							<b>627.363.725.734</b>	<b>11.723.942.093</b>
Thu nhập khác							1.345.309.926	18.673.805.889
Chi phí khác							(4.993.045.554)	(7.692.161.018)
<b>(Chi phí)/Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp</b>							<b>(4.755.113.953)</b>	<b>2.640.869.232</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>							<b>618.960.876.153</b>	<b>25.346.456.196</b>

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Trang trại		Thịt và các sản phẩm từ thịt		Hợp nhất	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản bộ phận						
Đầu tư vào công ty liên kết	2.452.317.081.254	2.446.115.184.862	4.471.426.270.768	4.434.133.045.941	6.923.743.352.022	6.880.248.230.803
Tài sản không phân bổ	-	-	2.103.964.883.942	2.114.054.896.942	2.103.964.883.942	2.114.054.896.942
<b>Tổng tài sản</b>						
	11.367.658.352.618	11.228.504.872.700				
Nợ phải trả bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ	1.284.537.979.717	1.283.902.635.291	2.392.923.418.061	3.046.207.514.764	3.677.461.397.778	4.330.110.150.055
<b>Tổng nợ phải trả</b>						
	6.166.967.344.173	6.759.367.390.408				
Chi tiêu vốn	4.958.440.919	51.864.047.489	71.716.340.063	66.814.031.097	76.674.780.982	118.678.078.586
Khấu hao và phân bổ	173.168.665.125	172.363.945.618	234.353.411.648	250.530.048.776	407.522.076.773	422.893.994.394

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn, dựa trên vị trí địa lý của khách hàng và tài sản, hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	68.588.325.194	45.255.925.633
Các khoản tương đương tiền	176.500.000.000	145.223.000.000
	245.088.325.194	190.478.925.633

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	338.776.265.387	286.229.548.181
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	225.666.677.698	156.977.848.540
Các khách hàng khác	89.447.315.069	72.542.567.958
	653.890.258.154	515.749.964.679

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	7.292.091	50.734.933
<b>Các bên liên quan khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	338.776.265.387	286.229.548.181
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	225.666.677.698	156.977.848.540
▪ Công ty Cổ phần The Supra	3.657.348.933	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	1.941.195.968	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	193.534.740	308.683.200
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	78.232.298	82.494.300
▪ Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	39.226.068	-

Các khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Trả trước cho người bán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trả trước cho người bán của Tập đoàn bao gồm 13.849 triệu VND (1/1/2025: 4.949 triệu VND) liên quan đến mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác.

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	1.565.117.795	574.508.857
Đặt cọc ngắn hạn	3.044.573.004	5.857.801.004
Tạm ứng cho nhân viên	57.000.000	233.270.329
Phải thu khác	29.418.987.173	38.398.128.419
	34.085.677.972	45.063.708.609

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi phải thu từ khoản cho vay với Công ty TNHH Zenith Investment, một bên liên quan	134.322.000.004	384.200.000
Đặt cọc dài hạn	27.819.521.474	26.202.783.977
	162.141.521.478	26.586.983.977

Lãi cho vay phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan.

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	32.192.603.258	25.994.191.905
Dự phòng trích lập trong năm	-	7.017.239.935
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(240.332.443)	(341.259.000)
Dự phòng sử dụng trong năm	(492.040.630)	(477.569.582)
	31.460.230.185	32.192.603.258

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	842.042.704	-	7.436.699.183	-
Nguyên vật liệu	213.107.745.586	(5.200.039.601)	173.627.417.861	(9.417.665.101)
Công cụ và dụng cụ	50.935.337.048	(5.663.791.747)	43.288.921.687	(5.873.860.441)
Sản phẩm dở dang	457.601.640.921	-	381.469.549.114	(97.918.045)
Thành phẩm	95.833.936.821	(29.324.170.570)	46.261.600.633	(15.272.051.302)
Hàng gửi đi bán	66.358.266.716	-	57.379.089.419	-
	<b>884.678.969.796</b>	<b>(40.188.001.918)</b>	<b>709.463.277.897</b>	<b>(30.661.494.889)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 24.318 triệu VND (1/1/2025: 17.638 triệu VND) thành phẩm và sản phẩm dở dang được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 39.009 triệu VND (1/1/2025: 19.540 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	30.661.494.889	38.503.165.008
Dự phòng trích lập trong năm	53.026.387.514	31.709.086.551
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(19.678.528.487)	(35.012.626.331)
Dự phòng sử dụng trong năm	(23.821.351.998)	(4.538.130.339)
Số dư cuối năm	<b>40.188.001.918</b>	<b>30.661.494.889</b>

**11. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Bên liên quan khác</i>			
Công ty TNHH Zenith Investment	2027	1.835.000.000.000	1.921.000.000.000

Khoản phải thu về cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng cho vay liên quan.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Gia súc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.298.597.798.547	2.252.466.100.839	74.573.966.707	44.459.117.228	19.145.772.583	5.689.242.755.904
Tăng trong năm	802.253.891	8.378.526.648	994.190.001	505.790.000	-	10.680.760.540
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.569.302.972	44.985.957.230	-	-	-	50.555.260.202
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(195.200.000)	-	-	-	(195.200.000)
Thanh lý và xóa sổ	(1.526.545.604)	(3.788.522.461)	(302.000.001)	-	(7.314.229.229)	(12.931.297.295)
Số dư cuối năm	3.303.442.809.806	2.301.846.862.256	75.266.156.707	44.964.907.228	11.831.543.354	5.737.352.279.351
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	642.879.585.425	659.127.251.598	37.041.304.299	33.095.357.454	5.469.573.593	1.377.613.072.369
Khấu hao trong năm	135.399.316.913	191.318.765.181	7.145.238.389	4.869.680.710	4.174.786.418	342.907.787.611
Thanh lý và xóa sổ	(726.897.336)	(2.458.063.132)	(192.944.438)	-	(3.881.274.162)	(7.259.179.068)
Số dư cuối năm	777.552.005.002	847.987.953.647	43.993.598.250	37.965.038.164	5.763.085.849	1.713.261.680.912
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	2.655.718.213.122	1.593.338.849.241	37.532.662.408	11.363.759.774	13.676.198.990	4.311.629.683.535
Số dư cuối năm	2.525.890.804.804	1.453.858.908.609	31.272.558.457	6.999.869.064	6.068.457.505	4.024.090.598.439

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản cố nguyên giá là 136.311 triệu VND (1/1/2025: 78.021 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.970.772 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24) (1/1/2025: 2.131.140 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	277.922.817.008
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	55.180.652.134
Khấu hao trong năm	18.603.671.721
Số dư cuối năm	73.784.323.855
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	222.742.164.874
Số dư cuối năm	204.138.493.153

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Mối quan hệ khách hàng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm và cuối năm	12.487.500.000	3.959.841.950	205.464.758.322	122.877.276.845	344.789.377.117
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	1.965.305.049	93.024.926.299	31.359.305.032	126.349.536.380
Khấu hao trong năm	-	549.634.471	23.297.886.912	7.679.829.804	31.527.351.187
Số dư cuối năm	-	2.514.939.520	116.322.813.216	39.039.134.831	157.876.887.567
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	12.487.500.000	1.994.536.901	112.439.832.023	91.517.971.813	218.439.840.737
Số dư cuối năm	12.487.500.000	1.444.902.430	89.141.945.106	83.838.142.014	186.912.489.550

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 27.692 triệu VND (1/1/2025: 918 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, không có tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24) (1/1/2025: 42 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	22.405.540.830	16.446.720.409
Tăng trong năm	113.466.071.571	167.452.780.763
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.555.260.202)	(106.093.638.996)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(51.383.988.856)	(48.422.977.759)
Thanh lý và xóa sổ	(10.577.482.644)	(6.977.343.587)
	23.354.880.699	22.405.540.830
	23.354.880.699	22.405.540.830

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.413.876.900	1.859.589.908
Máy móc và thiết bị	10.569.208.428	7.520.962.467
Khác	11.371.795.371	13.024.988.455
	23.354.880.699	22.405.540.830
	23.354.880.699	22.405.540.830

**16. Đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hưởng lãi suất từ 4,75% đến 6,40% một năm.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2025		1/1/2025			
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế / quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế / quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	20.180.026	24,94%	2.103.964.883.942	20.180.026	24,94%	2.114.054.896.942

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động trong năm của khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	2.114.054.896.942	2.126.162.912.542
Cổ tức	(10.090.013.000)	(12.108.015.600)
Số dư cuối năm	2.103.964.883.942	2.114.054.896.942

**17. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Gà giống	118.138.014.496	105.174.889.581
Công cụ và dụng cụ	3.049.128.409	3.534.161.796
Phí bảo hiểm trả trước	1.061.171.725	1.189.967.951
Chi phí thuê hoạt động trả trước	136.554.982	123.911.200
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.067.846.317	5.089.592.341
	127.452.715.929	115.112.522.869

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Lợi giống VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	448.927.385.313	24.257.059.686	42.574.403.926	15.625.304.952	531.384.153.877
Tăng trong năm	120.987.767	15.268.778.950	-	4.381.269.685	19.771.036.402
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	195.200.000	-	-	195.200.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.509.959.600	48.000.414.256	873.615.000	51.383.988.856
Phân loại lại	1.857.220.458	(6.972.830.130)	-	5.115.609.672	-
Phân bổ trong năm	(12.451.374.843)	(11.642.955.030)	(26.279.003.248)	(9.618.423.497)	(59.991.756.618)
Thanh lý và xóa sổ	-	(11.599.978)	(12.959.812.605)	-	(12.971.412.583)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>438.454.218.695</b>	<b>23.603.613.098</b>	<b>51.336.002.329</b>	<b>16.377.375.812</b>	<b>529.771.209.934</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 380.388 triệu VND (1/1/2025: 391.630 triệu VND) đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
▪ Chi phí phải trả và dự phòng	24.452.483.733	21.638.579.011
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
▪ Đầu tư vào công ty liên kết	(297.477.489.597)	(297.477.489.597)
▪ Tài sản cố định vô hình	(26.057.001.508)	(30.758.653.245)
▪ Tài sản cố định hữu hình	-	(317.508.604)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(323.534.491.105)	(328.553.651.446)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(299.082.007.372)	(306.915.072.435)

**19. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	173.317.424.829
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	87.624.766.156
Phân bổ trong năm	14.483.266.254
Số dư cuối năm	102.108.032.410
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	85.692.658.673
Số dư cuối năm	71.209.392.419

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH De Heus	80.929.201.965	181.075.159.886
Các nhà cung cấp khác	690.644.178.410	454.767.482.934
	<hr/>	<hr/>
	771.573.380.375	635.842.642.820

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b></i>		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	3.179.902.209	1.616.591.085
<i><b>Các bên liên quan khác</b></i>		
▪ Công ty Cổ phần The Supra	33.941.147.697	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	10.472.410.511	27.475.485.076
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	8.956.954.577	13.723.523.934
▪ Công ty Cổ phần The CrownX	4.622.272.666	1.612.828.884
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	3.871.982.765	9.572.068.082
▪ Công ty TNHH The Sherpa	384.045.107	-
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	48.803.900	66.012.357
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	-	186.099.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ/ Hoàn lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.983.437.737	481.003.575.691	(73.872.001.859)	(402.196.133.317)	8.918.878.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.269.603.677	12.588.179.016	(4.090.312.721)	(1.475.045.338)	14.292.424.634
Thuế thu nhập cá nhân	5.278.526.029	40.848.343.603	(40.640.815.639)	(3.274.340.483)	2.211.713.510
Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	1.971.909.924	(1.971.909.924)	-	-
	16.531.567.443	536.412.008.234	(120.575.040.143)	(406.945.519.138)	25.423.016.396

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	402.426.981.702	305.905.901.863
Thưởng thành tích và lương tháng 13	79.421.708.890	80.375.897.589
Chi phí lãi vay	68.939.104.182	70.018.760.162
Phải trả công trình xây dựng	50.664.908.960	52.757.517.913
Chiết khấu thương mại	36.316.205.272	51.186.395.167
Chi phí vận chuyển	33.416.435.563	30.659.944.368
Phí quản lý	5.742.701.182	4.712.099.015
Chi phí khác	164.945.021.719	108.725.156.598
	<b>841.873.067.470</b>	<b>704.341.672.675</b>

**23. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí ký kết hợp đồng mua hàng hoãn lại (Thuyết minh 32(*))	38.907.340.000	130.786.800.000
Đặt cọc ngắn hạn nhận được	9.930.854.520	4.401.250.000
Cổ tức phải trả	700.205.100	700.205.100
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	372.457.211	292.765.067
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	-	809.990.000
Phải trả khác	2.973.180.732	3.362.601.161
	<b>52.884.037.563</b>	<b>140.353.611.328</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí ký kết hợp đồng mua hàng hoãn lại (Thuyết minh 32(*))	21.199.140.006	247.723.800.000
Đặt cọc dài hạn nhận được	22.682.500.000	19.341.499.997
	<b>43.881.640.006</b>	<b>267.065.299.997</b>

**Công ty Cổ phần Masan MEALife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	5.381.698.980.224	(5.380.255.232.551)	1.195.674.700.336
Vay dài hạn đến hạn trả	364.535.631.013	(560.834.178.634)	337.682.230.743
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	13.379.863.800	(12.257.043.833)	13.379.863.801
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.995.218.187.989	-	1.995.218.187.989
	<b>7.754.832.663.026</b>	<b>(5.953.346.455.018)</b>	<b>3.541.954.982.869</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
VND	4,55% - 6,80%	1.195.674.700.336	1.194.230.952.663

**Các khoản vay ngân hàng**

- Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo

Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo của các công ty con với giá trị ghi sổ là 1.195.675 triệu VND (1/1/2025: 1.194.231 triệu VND) được bảo lãnh bởi Công ty và công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty.



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	689.292.374.256	1.218.506.151.146
Trái phiếu thường (ii)	1.995.218.187.989	1.988.075.470.001
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	234.965.094.471	247.222.138.305
	2.919.475.656.716	3.453.803.759.452
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2.373.133.682.802	546.237.822.198
	546.341.973.914	2.907.565.937.254

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>tiền tệ</b>	<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,78% - 10,60%	2026 – 2028	689.292.374.256	1.218.506.151.146

Các khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bởi các tài sản sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	1.970.772.266.012	2.131.139.538.612
▪ Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	-	42.432.182
▪ Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 17(b))	380.388.143.537	391.629.805.393

Các khoản vay ngân hàng với giá trị ghi sổ là 652.470 triệu VND (1/1/2025: 1.202.517 triệu VND) cũng được bảo lãnh bởi một bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Trái phiếu thường phát hành**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(4.761.812.011)	(11.904.529.999)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.995.218.187.989	-
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	1.988.075.470.001
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>tiền tệ</b>	<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	8,575%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
				<hr/>	<hr/>

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các bên liên quan của Tập đoàn nắm giữ 30.018 triệu VND (1/1/2025: 978.890 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn.

Biến động trong năm của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	11.904.529.999	19.047.247.987
Phân bổ trong năm	(7.142.717.988)	(7.142.717.988)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.761.812.011	11.904.529.999
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	33.220.447.831	19.840.584.030	13.379.863.801
Trong vòng 2 đến 5 năm	132.881.791.316	65.927.938.426	66.953.852.890
Sau 5 năm	198.123.525.353	43.492.147.572	154.631.377.781
	<b>364.225.764.500</b>	<b>129.260.670.028</b>	<b>234.965.094.472</b>

  

	1/1/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	33.220.447.829	20.963.403.995	12.257.043.834
Trong vòng 2 đến 5 năm	132.881.791.315	71.547.719.107	61.334.072.208
Sau 5 năm	231.343.973.181	57.712.950.918	173.631.022.263
	<b>397.446.212.325</b>	<b>150.224.074.020</b>	<b>247.222.138.305</b>

**25. Dự phòng phải trả dài hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự phòng khôi phục hiện trường	6.199.404.404	6.199.404.404
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.525.574.060	4.869.444.265
	<b>10.724.978.464</b>	<b>11.068.848.669</b>

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(398.879.312.744)	85.007.723.691	5.083.637.476.096
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (Thuyết minh 28)	19.196.530.000	10.923.300.000	-	-	30.119.830.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	27.040.308.872	(1.693.852.676)	25.346.456.196
Khác	-	-	(669.966.280.000)	-	(669.966.280.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</b>	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(1.041.805.283.872)	83.313.871.015	4.469.137.482.292
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (Thuyết minh 28)	112.642.650.000	(50.000.000)	-	-	112.592.650.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	563.021.992.217	55.938.883.936	618.960.876.153
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	(478.783.291.655)	139.252.754.951	5.200.691.008.445

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

	2025		2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Phát hành cổ phiếu	11.264.265	112.642.650.000	1.919.653	19.196.530.000
Số dư cuối năm	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000

**28. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên**

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo chương trình này phải được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2025, Công ty đã phát hành 11.264.265 cổ phiếu (2024: 1.919.653 cổ phiếu) cho nhân viên theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng 1 năm	66.357.604.516	61.272.946.316
Trong vòng 2 đến 5 năm	142.051.956.302	167.059.191.598
Trên 5 năm	181.502.205.000	204.370.407.500
	389.911.765.818	432.702.545.414

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	117.756.223.614	67.030.954.101
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	247.933.775.880	274.429.232.992
	365.689.999.494	341.460.187.093

**(c) Ngoại tệ**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.908	50.350.212	1.088	26.288.621

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và doanh thu khác	9.571.422.893.228	7.820.568.120.671
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	333.949.635.199	162.238.067.844
▪ Hàng bán bị trả lại	7.377.740.050	8.614.160.614
	341.327.375.249	170.852.228.458
Doanh thu thuần	9.230.095.517.979	7.649.715.892.213

**31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán và giá vốn khác	6.615.291.321.746	5.691.279.761.910
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.347.859.027	(3.303.539.780)
	6.648.639.180.773	5.687.976.222.130

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí ký kết hợp đồng mua hàng (*)	318.404.120.002	99.682.600.000
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	146.421.320.651	144.674.010.771
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.431.760.532	905.764.476
Thu nhập khác	902.319.816	495.717.876
	467.159.521.001	245.758.093.123

(\*) Phần thu nhập từ phí ký kết hợp đồng mua hàng ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm khoản thu nhập ghi nhận một lần từ việc điều chỉnh giảm số lượng mua bán lợn cam kết cho phần còn lại của hợp đồng mua bán lợn với đối tác.

**33. Chi phí tài chính**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay từ các khoản đi vay, trái phiếu và nợ thuê tài chính	327.619.502.115	376.450.736.500
Chi phí phát hành trái phiếu	7.142.717.988	7.142.717.988
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	327.332.633	1.027.732.043
Chi phí khác	13.124.406.527	17.179.904.737
	348.213.959.263	401.801.091.268



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí bán hàng**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.335.924.450.941	1.040.989.710.220
Chi phí vận chuyển	295.223.813.417	249.774.147.828
Chi phí nhân viên	100.477.847.816	80.800.001.770
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.863.431.605	11.892.459.272
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.343.137.018	6.841.354.295
Chi phí thuê hoạt động	2.718.903.258	3.477.758.462
Chi phí bán hàng khác	31.227.563.507	33.955.033.509
	<hr/>	<hr/>
	1.777.779.147.562	1.427.730.465.356
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	144.908.462.721	202.042.392.214
Phân bổ giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	22.198.002.432	22.198.002.432
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.795.504.968	44.005.556.891
Chi phí thuê hoạt động	13.233.341.706	14.182.976.444
Dụng cụ văn phòng	1.581.619.681	1.873.862.188
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(240.332.443)	7.236.352.028
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	93.782.426.583	74.703.122.292
	<hr/>	<hr/>
	295.259.025.648	366.242.264.489
	<hr/>	<hr/>

**36. Chi phí khác**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.569.128.334	1.323.637.265
Chi phí khác	423.917.220	6.368.523.753
	<hr/>	<hr/>
	4.993.045.554	7.692.161.018
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	13.730.639.934	17.811.948.169
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.142.460.918)	(3.656.641.186)
	<hr/> 12.588.179.016	<hr/> 14.155.306.983
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.833.065.063)	(16.796.176.215)
	<hr/> 4.755.113.953	<hr/> (2.640.869.232)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	623.715.990.106	22.705.586.964
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	124.743.198.021	4.541.117.393
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác của các công ty con	(118.258.016.951)	(50.395.123.810)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.034.437.784	2.609.836.299
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	24.115.826.119	62.434.668.214
Lỗi tính thuế được sử dụng	(26.737.870.102)	(18.174.726.142)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.142.460.918)	(3.656.641.186)
	<hr/> 4.755.113.953	<hr/> (2.640.869.232)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty trong Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Một số công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định về ưu đãi thuế, quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

**38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(i) Lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông	563.021.992.217	27.040.308.872

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	329.052.593	327.132.940
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành trong năm	3.672.459	595.217
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	332.725.052	327.728.157

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan</b>		
Bán hàng hóa	1.059.158.043	1.125.301.262
Vay	-	160.000.000.000
Trả nợ gốc vay	-	160.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	3.698.631
Chia sẻ chi phí	2.944.353.897	1.496.843.597
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản</b>		
Mua hàng hóa	152.969.000	-
Thu nhập cổ tức	10.090.013.000	12.108.015.600
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</b>		
Phí hỗ trợ bán hàng và vận chuyển, hỗ trợ quản lý và công nghệ thông tin	96.232.625.680	90.464.822.453
Phí phân phối	64.034.573.590	58.364.765.999
Bán hàng hóa	2.811.759.999	11.479.010.519
Mua hàng hóa	18.228.699.103	9.486.597.479
Mua tài sản cố định	-	1.424.423.807
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan</b>		
Bán hàng hóa	64.821.996.203	82.565.174.006
Mua hàng hóa	117.705.332.381	113.890.158.678
Bán tài sản cố định và công cụ dụng cụ	-	42.159.743.334
Mua tài sản cố định	-	571.353.653
Phí quản lý	4.269.809.051	2.836.090.777
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD</b>		
Bán hàng hóa	2.625.482.400	1.311.981.600
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB</b>		
Bán hàng hóa	14.695.419.277	1.335.184.912
Mua hàng hóa	-	7.021.950
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG</b>		
Bán hàng hóa	-	972.500

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<b>Công ty TNHH Tâm nhìn Masan</b>		
Thu hồi khoản cho vay	-	1.772.377.579.794
Thu nhập lãi cho vay	-	138.440.031.386
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce</b>		
Bán hàng hóa	3.583.082.899.454	2.542.517.548.712
Chiết khấu thương mại	274.816.752.150	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	570.668.309.824	328.577.719.548
<b>Công ty TNHH Zenith Investment</b>		
Cho vay	210.000.000.000	1.921.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	296.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	134.843.767.123	384.200.000
<b>Công ty Cổ phần The Supra</b>		
Bán hàng hóa	9.170.714.202	-
Mua dịch vụ	221.941.647.525	-
<b>Công ty Cổ phần Mobicast</b>		
Mua dịch vụ	633.958.009	620.682.164
<b>Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage</b>		
Bán hàng hóa và công cụ	325.864.392	377.190.000
Mua hàng hóa	26.936.714	12.243.938
<b>Công ty Cổ phần The CrownX</b>		
Mua dịch vụ	4.307.429.981	1.493.360.078
<b>Công ty Cổ phần Bột giặt NET</b>		
Mua hàng hóa	117.001.873	44.399.686
<b>Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco</b>		
Mua hàng hóa	302.832.000	259.137.000
<b>Công ty TNHH The Sherpa</b>		
Chia sẻ chi phí	349.131.915	-
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt (**)</b>		
Thù lao trả cho nhân sự quản lý chủ chốt	8.805.549.455	8.337.630.000

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 2024, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.
- (\*\*) Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<b>Hội đồng Quản trị (***)</b>		
Ông Danny Le – Chủ tịch	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng – Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quốc Trung – Thành viên	-	-
<b>Ủy ban Kiểm toán (***)</b>		
Ông Huỳnh Việt Thăng – Trưởng ban	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Quốc Trung	5.978.994.000	5.882.137.000

- (\*\*\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**40. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

ngày 3 tháng 3 năm 2026

  
 Nguyễn Mạnh Quang  
 Người lập

  
 Mã Hồng Kim  
 Kế toán trưởng

  
  
 Nguyễn Anh Thi  
 Tổng Giám đốc